

Số: 2817 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 01 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 416/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3995/TTr-SXD ngày 16 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 12 thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế. (Có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh; CV: NĐ;
- Trung tâm PVHCC, Công TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Hải Minh

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH
CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

*(Kèm theo Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
A	CẤP TỈNH	
I	Lĩnh vực Nhà ở	
1	Xây dựng, phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
2	Xây dựng, phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
3	Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
4	Điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
II	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng	
5	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
6	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
7	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
8	Thẩm định, phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
B	CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng	
9	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	UBND cấp huyện
10	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	UBND cấp huyện
II	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng	
11	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện	UBND cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
	quyết định đầu tư/Thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư	
C	CẤP XÃ	
I	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng	
12	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư/Thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư	UBND cấp xã

Phụ lục I
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH
CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

*(Kèm theo Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	Lĩnh vực Nhà ở	
1	Xây dựng, phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
2	Xây dựng, phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
3	Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
4	Điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
II	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng	
1	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
2	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
3	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng
4	Thẩm định, phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	UBND tỉnh và Sở Xây dựng

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC NHÀ Ở

1. Xây dựng, phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Sở Xây dựng lập Tờ trình đề xuất xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt bao gồm đề cương chi tiết, dự toán kinh phí xây dựng chương trình phát triển nhà ở, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị có kinh nghiệm về việc xây dựng chương trình phát triển nhà ở để thực hiện;

b) Trong thời gian tối đa 45 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, phê duyệt đề xuất xây

dựng chương trình phát triển nhà ở;

c) Căn cứ nội dung phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, trường hợp Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện thì tổ chức triển khai xây dựng chương trình phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt; trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì Sở Xây dựng tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Trong quá trình xây dựng chương trình phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các cơ quan có liên quan của địa phương có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; xây dựng chương trình phát triển nhà ở;

d) Sau khi hoàn thành xây dựng dự thảo chương trình phát triển nhà ở, Sở Xây dựng phải gửi văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan chức năng và tổ chức có liên quan của địa phương.

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời Sở Xây dựng;

đ) Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày gửi văn bản góp ý, Sở Xây dựng có trách nhiệm hoàn thiện, chỉnh sửa nội dung dự thảo chương trình phát triển nhà ở; lập Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho ý kiến để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

e) Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chương trình phát triển nhà ở, trong thời gian tối đa 15 ngày, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành Quyết định phê duyệt chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh và đăng tải chương trình này trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, đồng thời gửi cho Sở Xây dựng để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng và gửi chương trình về Bộ Xây dựng để theo dõi thực hiện.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại UBND tỉnh

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.3.2. Thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm:

+ Tờ trình của Sở Xây dựng;

+ Dự thảo chương trình phát triển nhà ở;

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức;

+ Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chương trình phát triển nhà ở.

Nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua bao gồm: mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nhà ở; nhu cầu về nguồn vốn để phát triển nhà ở; dự kiến diện tích đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở công vụ, cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (nếu có) và các giải pháp để thực hiện chương trình phát triển nhà ở.

1.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chương trình phát triển nhà ở

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh kèm theo Thuyết minh Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; kết quả thực hiện chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh kỳ trước; hiện trạng nhà ở; nhu cầu về nhà ở trong giai đoạn xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh. (Khoản 1 Điều 26 Luật Nhà ở 2023)

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 1 Điều 26 Luật Nhà ở 2023;

- Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

2. Xây dựng, phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Sở Xây dựng lập Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt bao gồm các nội dung: đề cương chi tiết, dự toán kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có kinh nghiệm về việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở để thực hiện.

Đối với việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cho 05 năm của đầu kỳ chương trình phát triển nhà ở thì trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình phát triển nhà ở, Sở Xây dựng phải lập báo cáo đề xuất quy định tại điểm này gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Đối với việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm tiếp theo của kỳ chương trình phát triển nhà ở thì Sở Xây dựng phải lập đề xuất gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt trước ngày 30 tháng 6 của năm cuối kỳ kế hoạch trước đó;

b) Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh;

c) Căn cứ phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, trường hợp Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt; trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì Sở Xây dựng tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan của địa phương có trách nhiệm phối hợp với

Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn đề tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở; trường hợp trong kế hoạch có sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thì trong nội dung phải nêu cụ thể danh mục dự án có sử dụng vốn, số vốn cần bố trí, giai đoạn giải ngân trong kỳ kế hoạch để lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

d) Sau khi hoàn thành xây dựng dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở, Sở Xây dựng phải gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức quy định tại điểm c khoản này.

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng, các cơ quan được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời Sở Xây dựng;

đ) Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản góp ý, Sở Xây dựng phối hợp cùng đơn vị tư vấn (nếu có) hoàn thiện nội dung dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở, lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt;

e) Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh phải đăng tải công khai kế hoạch phát triển nhà ở trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi cho Sở Xây dựng để đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện;

g) Trước ngày 31 tháng 12 của năm cuối kỳ kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh phải tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở cho kỳ tiếp theo.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại UBND tỉnh.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.3.2. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Sở Xây dựng
- Dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở.

2.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: UBND cấp huyện và các cơ quan có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh kèm theo Thuyết minh Kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh kỳ trước; hiện trạng nhà ở; nhu cầu về nhà ở trong giai đoạn xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh (Khoản 2 Điều 26 Luật Nhà ở 2023).

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 2 Điều 26 Luật Nhà ở 2023;
- Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

3. Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Nhà ở, Sở Xây dựng lập tờ trình đề xuất điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt bao gồm các nội dung: đề cương chi tiết, dự toán kinh phí điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, tiến độ và dự kiến đơn vị, cơ quan xây dựng chương trình điều chỉnh;

b) Trình tự điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh được thực hiện theo quy định như đối với xây dựng, phê duyệt chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh;

c) Thời gian xây dựng, phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tối đa là 12 tháng, kể từ khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Nhà ở.

Trường hợp các địa phương đã phê duyệt chương trình phát triển nhà ở mà trong chương trình chưa có chỉ tiêu về phát triển nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân hoặc đã có chỉ tiêu cho các đối tượng này nhưng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung hoặc điều chỉnh các chỉ tiêu này trong chương trình phát triển nhà ở; việc bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu này chỉ thực hiện một lần trong cả giai đoạn chương trình đã phê duyệt.

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại UBND tỉnh.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.3.1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.3.2. Thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm:
 - + Tờ trình của Sở Xây dựng;
 - + Dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở;
 - + Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức;
 - + Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

Nội dung trình Hội đồng nhân dân thông qua bao gồm: Sự cần thiết phải điều chỉnh chương trình; nội dung điều chỉnh; nguồn vốn để thực hiện nội dung điều chỉnh; giải pháp để thực hiện nội dung điều chỉnh; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan chức năng của địa phương trong việc thực hiện chương trình điều chỉnh.

3.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở của UBND tỉnh kèm theo Thuyết minh điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh.

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Việc điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh được thực hiện khi có thay đổi một trong các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ hoặc h khoản 1 Điều 27 của Luật Nhà ở do điều chỉnh quy hoạch tỉnh hoặc do phê duyệt quy hoạch tỉnh trong giai đoạn mới hoặc do thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh. (Khoản 1 Điều 28 Luật Nhà ở 2023)

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 1 Điều 28 Luật Nhà ở 2023;
- Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

4. Điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Sau khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Nhà ở, Sở Xây dựng lập đề xuất gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt bao gồm các nội dung: kế hoạch thực hiện, đề cương chi tiết, dự toán kinh phí điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở; trong đó nêu rõ sự cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở;

b) Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề xuất thì trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở được thực hiện đối với xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh;

c) Thời gian xây dựng, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh tối đa là 06 tháng, kể từ khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Nhà ở.

4.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại UBND tỉnh.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

4.3.1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.3.2. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Sở Xây dựng;
- Dự thảo điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở.

4.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên

quan.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo Thuyết minh điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh.

4.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Khi có điều chỉnh nội dung chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh đã được phê duyệt; có điều chỉnh nội dung liên quan đến nhà ở trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh đã được quyết định; trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 65 của Luật Nhà ở nếu kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư được xây dựng, phê duyệt chung với kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 3 Điều 28 Luật Nhà ở 2023;

- Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG

1. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh

1.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị thẩm định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đến Sở Xây dựng tại Khu Hành chính tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, đường Võ Nguyên Giáp, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Xây dựng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị thẩm định.

- Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và trình UBND tỉnh phê duyệt trong 05 ngày làm việc.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Xây dựng.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

1.3.2. Thành phần hồ sơ:

1.3.2.1. Hồ sơ trình Sở Xây dựng thẩm định:

- Tờ trình đề nghị thẩm định; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Các văn bản pháp lý có liên quan; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Văn bản chủ trương thống nhất của Cơ quan có thẩm quyền cho phép lập quy hoạch (theo Điều 38 Luật Xây dựng, Điều 50 Luật Quy hoạch đô thị);

- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung nhiệm vụ quy hoạch. (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị)

- Văn bản của Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ quy hoạch; (theo Điều 34 Luật Xây dựng, Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị)

- Đĩa CD (USB) lưu thuyết minh nội dung nhiệm vụ, bản vẽ và file scan các văn bản liên quan.

1.3.2.2. Hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt

- Văn bản thẩm định;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt;

- Hồ sơ trình thẩm định (tại mục 1.3.2.1).

1.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Thời gian Sở Xây dựng thẩm định: 15 ngày làm việc (120 giờ)

- Thời gian UBND tỉnh phê duyệt: 05 ngày làm việc (40 giờ)

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, các Chủ đầu tư.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị;

- Luật Xây dựng;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy

hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 66/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh

2.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị thẩm định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch đến Sở Xây dựng tại Khu Hành chính tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, đường Võ Nguyên Giáp, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Xây dựng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị thẩm định.

- Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trong 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và trình UBND tỉnh phê duyệt trong 07 ngày làm việc.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Xây dựng.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (hồ sơ trình phê duyệt: 10 bộ).

2.3.2. Thành phần hồ sơ:

2.3.2.1. Hồ sơ trình Sở Xây dựng thẩm định:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Các văn bản pháp lý có liên quan; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Văn bản ý kiến của Hội đồng nhân dân (đối với đồ án quy hoạch chung đô thị); (theo Điều 34 Luật Xây dựng, Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị)

- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị)

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; (theo Điều 2 Điều 27 Nghị định 44)

- Đĩa CD (USB) sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án. (theo Điều 27 Nghị định 44).

2.3.2.2. Hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt

- Văn bản thẩm định;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt;

- Hồ sơ trình thẩm định (tại mục 2.3.2.1).

2.4. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Thời gian Sở Xây dựng thẩm định: 18 ngày làm việc (144 giờ)

- Thời gian UBND tỉnh phê duyệt: 07 ngày làm việc (56 giờ)

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, các Chủ đầu tư.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị;

- Luật Xây dựng;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 66/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

3.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị thẩm định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng đến Sở Xây dựng tại Khu Hành chính tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, đường Võ Nguyên Giáp, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Xây dựng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị thẩm định.

- Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và trình UBND tỉnh phê duyệt trong 05 ngày làm việc.

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Xây dựng.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.3.1. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

3.3.2. Thành phần hồ sơ:

3.3.2.1. Hồ sơ trình Sở Xây dựng thẩm định:

- Tờ trình đề nghị thẩm định; (theo Điều 33 Nghị định 37)
- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ; (theo Điều 33 Nghị định 37)
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; (theo Điều 33 Nghị định 37)
- Bản vẽ in màu thu nhỏ; (theo Điều 33 Nghị định 37)
- Các văn bản pháp lý có liên quan; (theo Điều 33 Nghị định 37)
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung nhiệm vụ quy hoạch. (Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị)

3.3.2.2. Hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt

- Văn bản thẩm định;
- Dự thảo Quyết định phê duyệt;
- Hồ sơ trình thẩm định (tại mục 3.3.2.1).

3.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Thời gian Sở Xây dựng thẩm định: 15 ngày làm việc (120 giờ)
- Thời gian UBND tỉnh phê duyệt: 05 ngày làm việc (40 giờ)

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, các Chủ đầu tư.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 66/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Thẩm định, phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh

4.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị thẩm định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định đồ án thiết kế đô thị riêng đến Sở Xây dựng tại Khu Hành chính tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, đường Võ Nguyên Giáp, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Xây dựng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị thẩm định.

- Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trong 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và trình UBND tỉnh phê duyệt trong 07 ngày làm việc.

4.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Xây dựng.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

4.3.1. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (hồ sơ trình phê duyệt: 10 bộ).

4.3.2. Thành phần hồ sơ:

4.3.2.1. Hồ sơ trình Sở Xây dựng thẩm định:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án; (theo Điều 33 Nghị định 37)
- Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; (theo Điều 33 Nghị định 37)
- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; (theo Điều 33 Nghị định 37)
- Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án; (theo Điều 33 Nghị định 37)
- Bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; (theo Điều 33 Nghị định 37)
- Các văn bản pháp lý có liên quan; (theo Điều 33 Nghị định 37)
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; (theo Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị)
- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng;
- Đĩa CD (USB) sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

4.3.2.2. Hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt

- Văn bản thẩm định;
- Dự thảo Quyết định phê duyệt;
- Hồ sơ trình thẩm định (tại mục 4.3.2.1).

4.4. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Thời gian Sở Xây dựng thẩm định: 18 ngày làm việc (144 giờ)
- Thời gian UBND tỉnh phê duyệt: 07 ngày làm việc (56 giờ)

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, các Chủ đầu tư.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

4.8. Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 66/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Phụ lục II
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH
CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ VÀ THÀNH PHỐ HUẾ
(Kèm theo Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng	
1	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	UBND cấp huyện
2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	UBND cấp huyện
II	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng	
1	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư/Thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư	UBND cấp huyện

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG

1. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện

1.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị thẩm định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đến Phòng Quản lý đô thị/Phòng Kinh tế hạ tầng thuộc UBND cấp huyện hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Phòng Quản lý đô thị/Phòng Kinh tế hạ tầng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị thẩm định.

- Phòng Quản lý đô thị/Phòng Kinh tế hạ tầng tổ chức thẩm định trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và trình UBND cấp huyện phê duyệt trong 05 ngày làm việc.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại UBND cấp huyện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

1.3.2. Thành phần hồ sơ:

1.3.2.1. Hồ sơ trình thẩm định:

- Tờ trình đề nghị thẩm định; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)
- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)
- Các văn bản pháp lý có liên quan; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)
- Văn bản chủ trương thống nhất của Cơ quan có thẩm quyền cho phép lập quy hoạch (theo Điều 38 Luật Xây dựng, Điều 50 Luật Quy hoạch đô thị);
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung nhiệm vụ quy hoạch. (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị)
- Đĩa CD (USB) lưu thuyết minh nội dung nhiệm vụ, bản vẽ và file scan các văn bản liên quan.

1.3.2.2. Hồ sơ trình phê duyệt

- Văn bản thẩm định;
- Dự thảo Quyết định phê duyệt;
- Hồ sơ trình thẩm định (tại mục 5.3.2.1).

1.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Thời gian thẩm định: 15 ngày làm việc (120 giờ)
- Thời gian phê duyệt: 05 ngày làm việc (40 giờ)

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị tổ chức lập quy hoạch chi tiết.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan thực hiện: Phòng Quản lý đô thị/Phòng Kinh tế hạ tầng.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị;
- Luật Xây dựng;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc Sửa

đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 66/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện

2.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị thẩm định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đến Phòng Quản lý đô thị/Phòng Kinh tế hạ tầng thuộc UBND cấp huyện hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Phòng Quản lý đô thị/Phòng Kinh tế hạ tầng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị thẩm định.

- Phòng Quản lý đô thị/Phòng Kinh tế hạ tầng tổ chức thẩm định trong 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và trình UBND cấp huyện phê duyệt trong 07 ngày làm việc..

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại UBND cấp huyện.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (hồ sơ trình phê duyệt: 10 bộ).

2.3.2. Thành phần hồ sơ:

2.3.2.1. Hồ sơ trình thẩm định:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Các văn bản pháp lý có liên quan; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 33 Nghị định 37)

- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; (theo Điều 27 Nghị định 44, Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị)

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; (theo Điều 2 Điều 27 Nghị định 44)

- Đĩa CD (USB) sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án. (theo Điều 27 Nghị định 44).

2.3.2.2. Hồ sơ trình phê duyệt

- Văn bản thẩm định;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt;

- Hồ sơ trình thẩm định (tại mục 6.3.2.1).

2.4. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Thời gian thẩm định: 18 ngày làm việc (144 giờ)

- Thời gian phê duyệt: 07 ngày làm việc (56 giờ)

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị tổ chức lập quy hoạch chi tiết.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan thực hiện: Phòng Quản lý đô thị/Phòng Kinh tế hạ tầng.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị;

- Luật Xây dựng;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức

năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 66/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

II. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư/Thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư

1.1. Trình tự thực hiện:

- Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

- Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người trình thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Gửi văn bản đến các cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến thẩm định đối với trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp thẩm định.

- Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trả lại hồ sơ trình thẩm định và có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do trả hồ sơ đối với hồ sơ trình thẩm định thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thẩm định theo đúng nội dung quy định tại khoản 3 Điều

57 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14), khoản 6 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ

- Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm tham gia thẩm định hoặc yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết làm cơ sở cho việc thẩm định.

- Trong quá trình thẩm định, Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan chủ trì thẩm định thông báo các lỗi, sai sót thì Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp kết quả thẩm định; ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có). Mẫu văn bản thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tham khảo theo Mẫu số 02a Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (được bổ sung tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại UBND cấp huyện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ (*trường hợp có gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, cơ quan chuyên môn về xây dựng sẽ đề nghị bổ sung số lượng hồ sơ cho phù hợp*).

1.3.2. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng theo quy định pháp luật đầu tư công;

- Văn bản của cấp có thẩm quyền về nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án.

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có).

- Văn bản/Quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo của các loại quy hoạch: Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; Quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng; phương án tuyển, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyển.

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường);

- Các thủ tục về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tại Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;”.

- Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án: Cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao thông, các văn bản thỏa thuận về kết nối hạ tầng khác (nếu có).

- Văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (nếu có);

- Kết quả thẩm định đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;

- Kết quả thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt;

- Thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế công nghệ (nếu có) và tổng mức đầu tư xây dựng (kèm theo các tài liệu về thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá; việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và các công cụ cần thiết khác theo quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố; việc vận dụng, tham khảo dữ liệu về chi phí của công trình tương tự và các công cụ cần thiết khác để xác định dự toán xây dựng công trình; danh mục định mức dự toán mới, định mức dự toán điều chỉnh (nếu có) và phương pháp xác định; xác định danh mục các định mức cần tổ chức khảo sát trong quá trình thi công xây dựng).

- Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát xây dựng, nhà thầu lập thiết kế xây dựng; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư.

- Kết quả thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thực hiện thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/Kết quả thực hiện thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019;

- Luật Xây dựng 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;

- Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định về công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 11/03/2024 của UBND tỉnh Quy định phân cấp công tác thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Mẫu số 01. Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
13. Hình thức quản lý dự án:

14. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: *liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 6 Điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP.*

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo kinh tế kỹ thuật (*bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng*).
- Thiết kế bản vẽ thi công bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục III
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH
CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

*(Kèm theo Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng	
1	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư/Thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư	UBND cấp xã

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư/Thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư

1.1. Trình tự thực hiện:

- Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến UBND cấp xã để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện
- Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:
 - + Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người trình thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;
 - + Gửi văn bản đến các cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến thẩm định đối với trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp thẩm định.
 - Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trả lại hồ sơ trình thẩm định và có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do trả hồ sơ đối với hồ sơ trình thẩm định thuộc một trong các trường hợp sau:
 - + Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;
 - + Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thẩm định theo đúng nội dung quy định tại khoản 3 Điều 57 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14), khoản 6 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ

- Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm tham gia thẩm định hoặc yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết làm cơ sở cho việc thẩm định.

- Trong quá trình thẩm định, Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan chủ trì thẩm định thông báo các lỗi, sai sót thì Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp kết quả thẩm định; ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có). Mẫu văn bản thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tham khảo theo Mẫu số 02a Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (được bổ sung tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại UBND cấp xã.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ (*trường hợp có gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, cơ quan chuyên môn về xây dựng sẽ đề nghị bổ sung số lượng hồ sơ cho phù hợp*).

1.3.2. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng theo quy định pháp luật đầu tư công;

- Văn bản của cấp có thẩm quyền về nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án.

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có).

- Văn bản/Quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo của các loại quy hoạch: Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy

định của pháp luật về quy hoạch; Quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng; phương án tuyến, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyến.

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường);

- Các thủ tục về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tại Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;”.

- Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án: Cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao thông, các văn bản thỏa thuận về kết nối hạ tầng khác (nếu có).

- Văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (nếu có);

- Kết quả thẩm định đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;

- Kết quả thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt;

- Thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế công nghệ (nếu có) và tổng mức đầu tư xây dựng (kèm theo các tài liệu về thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá; việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và các công cụ cần thiết khác theo quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố; việc vận dụng, tham khảo dữ liệu về chi phí của công trình tương tự và các công cụ cần thiết khác để xác định dự toán xây dựng công trình; danh mục định mức dự toán mới, định mức dự toán điều chỉnh (nếu có) và phương pháp xác định; xác định danh mục các định mức cần tổ chức khảo sát trong quá trình thi công xây dựng).

- Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát xây dựng, nhà thầu lập thiết kế xây dựng; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư.

- Kết quả thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật có liên

quan.

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thực hiện thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/Kết quả thực hiện thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019;

- Luật Xây dựng 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;

- Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định về công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 11/03/2024 của UBND tỉnh Quy định phân cấp công tác thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
13. Hình thức quản lý dự án:

14. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: *liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 6 Điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP.*

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo kinh tế kỹ thuật (*bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng*).
- Thiết kế bản vẽ thi công bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)